

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Số/No: 91/QM-DNPBG

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tên mẫu/Name of sample: | Theo phụ lục |
| 2. Vị trí lấy mẫu: Sampling location: | Theo phụ lục |
| 3. Mã mẫu | Theo phụ lục |
| 4. Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer | Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang |
| 5. Mô tả mẫu/Description: | 04 Chai nhựa 1000 mL |
| 6. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: | 01/07/2021 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: | Diệp Văn Hùng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ testing time: | 01/07 - 08/07/2021 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/Test result: | |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCVN01-1:2018/BYT	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	As tổng số (*)	SMEWW 3113B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	10	Đạt
4	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.82	0.36	0.35	0.30	0.2 - 1.0	Đạt
5	Độ đục (*)	TCVN 6184:1996	NTU	0.51	0.47	0.48	0.38	2	Đạt
6	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
7	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
8	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	7.77	7.98	7.93	7.93	6.0 - 8.5	Đạt
9	Chỉ số (*) Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0.70	0.70	0.77	0.77	2	Đạt
10	Độ cứng (*)	SMEWW 2340C	mg/L	132	136	128	128	300	Đạt
11	Clorua, Cl ⁻ (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	9.57	8.86	20.21	9.57	250	Đạt
12	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
13	Nhôm	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.19	0.19	0.19	0.19	0.2	Đạt
14	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	1.14	1.04	1.03	1.05	2	Đạt
15	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) (*)	SMEWW4500 NO ₂ B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
16	Sắt tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.3	Đạt
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	8.66	8.42	8.81	8.66	250	Đạt

Ghi chú:

- (*) : Phép thử được công nhận VILAS.
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₃⁻: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L; As: 1 µg/L.

Bắc Giang, ngày 08 tháng 07 năm 2021

XÉT NGHIỆM VIÊN

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG NƯỚC DNP-BẮC GIANG



Đào Thị Ngọc Hà

Nguyễn Mạnh Cường

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng.
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department.

CHỦ TỊCH HĐQT

Ngô Chánh Chung

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 91/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	0721572/2141	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	0721572/2142	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	0721572/2143	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	0721572/2144	Hộ dân Nguyễn Văn Thanh, Nam Tiến 1, Xương Lâm, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 99/QM-DNPBG

- Tên mẫu/Name of sample: Theo phụ lục
- Vị trí lấy mẫu: Sampling location: Theo phụ lục
- Mã mẫu Theo phụ lục
- Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang
- Mô tả mẫu/Description: 04 Chai nhựa 1000 mL
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 07/07/2021
- Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: Diệp Văn Hùng
- Thời gian thử nghiệm/ testing time: 07/07 - 14/07/2021
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCVN01-1:2018/BYT	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	As tổng số (*)	SMEWW 3113B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	10	Đạt
4	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.82	0.51	0.28	0.25	0.2 - 1.0	Đạt
5	Độ đục (*)	TCVN 6184:1996	NTU	0.12	0.13	0.12	0.21	2	Đạt
6	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
7	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
8	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	7.68	7.69	7.68	7.86	6.0 - 8.5	Đạt
9	Chỉ số (*) Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0.70	0.70	0.51	0.64	2	Đạt
10	Độ cứng (*)	SMEWW 2340C	mg/L	131	136	138	136	300	Đạt
11	Clorua, Cl ⁻ (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	11.64	9.88	11.29	10.94	250	Đạt
12	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
13	Nhôm	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.19	0.19	0.19	0.18	0.2	Đạt
14	Nitrat (N-NO ₃) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.66	0.77	0.73	0.82	2	Đạt
15	Nitrit (N-NO ₂) (*)	SMEWW4500 NO ₂ :B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
16	Sắt tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.3	Đạt
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	8.31	8.42	8.70	8.85	250	Đạt

Ghi chú:

- (*) : Phép thử được công nhận VILAS.
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₂: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L.

Bắc Giang, ngày 14 tháng 07 năm 2021

XÉT NGHIỆM VIÊN

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Đào Thị Ngọc Hà

Nguyễn Mạnh Cường



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý Chất lượng. The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 99/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	0721593/2219	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	0721593/2220	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	0721593/2221	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	0721593/2222	Hộ dân Nguyễn Văn Đông, Thôn Đồng 2, Tân Thịnh, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ *Test results are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ *The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ *The test result are printed in 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at Quality control department.*

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 102/QM-DNPBG

- Tên mẫu/Name of sample: Theo phụ lục
- Vị trí lấy mẫu: Sampling location: Theo phụ lục
- Mã mẫu Theo phụ lục
- Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang
- Mô tả mẫu/Description: 04 Chai nhựa 1000 mL
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 14/07/2021
- Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: Diệp Văn Hùng
- Thời gian thử nghiệm/ testing time: 14/07 - 21/07/2021
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCVN01-1:2018/BYT	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	As tổng số (*)	SMEWW 3113B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	10	Đạt
4	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.84	0.43	0.21	0.30	0.2 - 1.0	Đạt
5	Độ đục (*)	TCVN 6184:1996	NTU	0.52	0.43	0.40	0.45	2	Đạt
6	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
7	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
8	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	8.02	8.00	7.96	7.93	6.0 - 8.5	Đạt
9	Chỉ số (*) Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0.70	0.70	0.77	0.90	2	Đạt
10	Độ cứng (*)	SMEWW 2340C	mg/L	137	136	140	136	300	Đạt
11	Clorua, Cl (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	11.64	11.29	10.94	10.94	250	Đạt
12	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
13	Nhôm	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.19	0.18	0.18	0.18	0.2	Đạt
14	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.85	0.80	0.65	0.86	2	Đạt
15	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) (*)	SMEWW4500 NO ₂ ⁻ B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
16	Sắt tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	< 0.05	0.3	Đạt
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	8.56	8.41	8.68	8.53	250	Đạt

Ghi chú:

- (*) : Phép thử được công nhận VILAS.
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₂⁻: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L.

Bắc Giang, ngày 21 tháng 07 năm 2021

XÉT NGHIỆM VIÊN

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



Đào Thị Ngọc Hà

Nguyễn Mạnh Cường

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thành Chung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 102/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	0721620/2309	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	0721620/2310	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	0721620/2311	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	0721620/2312	Hộ dân Hà Huy Vĩnh, Cầu Đá, Quang Thịnh, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department